

Số: 425/QĐ-SNN

Phú Thọ, ngày 02 tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh dự toán xây dựng mô hình CSA “Sản xuất lúa theo hướng cánh đồng mẫu lớn và đa dạng cây mẫu vụ đông cho vùng đất vằn trũng” tại xã Hương Nộn, huyện Tam Nông, thuộc dự án thành phần Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Phú Thọ (WB7)

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015; số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015;

Căn cứ Hiệp định vay vốn dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7) số 5352-VN ngày 24/4/2014 giữa Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng Thế giới;

Căn cứ Quyết định số 3016/QĐ-BNN-HTQT ngày 20/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án “Cải thiện nông nghiệp có tưới” do WB tài trợ;

Căn cứ Quyết định số 1357/QĐ-BNN-XD ngày 19/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Dự án thành phần Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Phú Thọ thuộc Dự án cải thiện nông nghiệp có tưới do WB tài trợ (WB7);

Căn cứ Quyết định số 56/QĐ-SNN ngày 22/02/2017 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT về việc duyệt thiết kế, dự toán xây dựng mô hình CSA “Sản xuất lúa theo hướng cánh đồng mẫu lớn và đa dạng cây mẫu vụ đông cho vùng đất vằn trũng” tại xã Hương Nộn, huyện Tam Nông, thuộc dự án thành phần Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Phú Thọ (WB7);

Sau khi xem xét hồ sơ điều chỉnh dự toán xây dựng mô hình CSA “Sản xuất lúa theo hướng cánh đồng mẫu lớn và đa dạng cây mẫu vụ đông cho vùng đất vằn trũng” tại xã Hương Nộn, huyện Tam Nông, thuộc dự án thành phần Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Phú Thọ (WB7) do liên danh Trung tâm Thủy lợi miền núi phía Bắc và Viện khoa học kỹ thuật Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc lập;

Xét đề nghị của Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và PTNT Phú Thọ tại Tờ trình số 52/TTr-BDA ngày 29/5/2017 và Báo cáo thẩm định số 61/BC-QLXDCT ngày 01/6/2017 của Trưởng phòng Quản lý xây dựng công trình,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt điều chỉnh dự toán xây dựng mô hình CSA “Sản xuất lúa theo hướng cánh đồng mẫu lớn và đa dạng cây mẫu vụ đông cho vùng đất vằn trũng” tại xã Hương Nộn, huyện Tam Nông, thuộc dự án thành phần Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Phú Thọ (WB7), với các nội dung sau:

1. Tên mô hình: “Sản xuất lúa theo hướng cánh đồng mẫu lớn và đa dạng cây

mẫu vụ đông cho vùng đất vằn trũng” tại xã Hương Nộn, huyện Tam Nông thuộc dự án thành phần: Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Phú Thọ (WB7).

2. **Chủ đầu tư:** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phú Thọ.

3. **Địa điểm xây dựng:** Xã Hương Nộn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

4. **Nhà thầu lập điều chỉnh dự toán mô hình:** Liên danh Trung tâm Thủy lợi miền núi phía Bắc và Viện khoa học kỹ thuật Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc Lập.

5. **Chủ trì lập điều chỉnh dự toán xây dựng mô hình:** Kỹ sư Vương Trọng Tuệ.

6. **Nội dung điều chỉnh dự toán:**

- Điều chỉnh giá nhiên liệu theo Thông cáo báo chí của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) ngày 20/5/2017.

- Điều chỉnh vật liệu theo Công bố của Liên Sở Tài chính - xây dựng ngày 16/5/2017 về giá vật liệu xây dựng tháng 5/2017 và giá kênh bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn theo Báo giá ngày 25/5/2017 của Công ty cổ phần bê tông Bảo Quân Vĩnh Phúc.

- Điều chỉnh chi phí Quản lý dự án, chi phí giám sát thi công xây dựng theo Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng.

(Chi tiết thể hiện trong dự toán điều chỉnh kèm theo).

7. **Dự toán công trình sau điều chỉnh duyệt: 5.836.058.000,0 đồng.**

(Bằng chữ: Năm tỷ, tám trăm ba mươi sáu triệu, không trăm năm mươi tám nghìn đồng chẵn).

Trong đó:

Đơn vị tính: đồng.

Hạng mục chi phí	Dự toán đã phê duyệt theo QĐ số 56/QĐ-SNN ngày 22/02/2017	Giá trị điều chỉnh Tăng (+); Giảm (-)	Dự toán sau điều chỉnh
- Chi phí xây dựng:	5.029.451.000	+153.464.000	5.182.915.000
- Chi phí quản lý dự án:	109.322.000	+37.119.000	146.441.000
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	77.366.000	+23.301.000	100.667.000
- Chi phí khác	342.011.000	+3.956.000	345.967.000
- Chi phí dự phòng:	277.908.000	-217.840.000	60.068.000
Tổng	5.836.058.000	0,0	5.836.058.000

(Chi tiết thể hiện trong bảng tổng hợp dự toán sau điều chỉnh kèm theo).

Các nội dung khác giữ nguyên theo các Quyết định số 56/QĐ-SNN ngày 22/02/2017 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT.

Điều 2. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Quản lý xây dựng công trình, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh Phú Thọ, các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Giám đốc Sở (b/c);
- PGĐ Sở (Ô. Bình);
- Lưu: VT, QLXDCT (10b).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ
NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN
NÔNG THÔN
Trần Tú Anh

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH

Mô hình sản xuất lúa theo hướng canh đồng mẫu lớn và đa dạng cây màu vụ đông cho vùng đất Vàm Trũng tại xã Hương Nộn, huyện Tam Nông

(Kèm theo Quyết định số: L. 2 /QĐ-SNN ngày 02 tháng 6 năm 2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Đơn vị tính : đồng

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Định mức	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế	Dự toán duyệt theo Quyết định số 56/QĐ-SNN ngày 22/02/2016	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)+(7)	(9)	(10)=(8)-(9)
1	Chi phí xây dựng mô hình	Gcpdx			4.711.741.100	471.174.111	5.182.915.000	5.029.451.000	153.464.000
1.1	Chi phí xây dựng các hạng mục công trình	Gxd		Gxd1 : Gxd3	3.522.537.464	352.253.747	3.874.791.000	3.721.327.000	153.464.000
-	Kênh tiêu	Gxd.1			221.602.727	22.160.273	243.763.000	248.582.000	-4.819.000
-	Kênh tưới	Gxd.2			2.291.108.298	229.110.830	2.520.219.000	2.327.662.000	192.557.000
-	Các tuyến đường	Gxd.3			1.009.826.439	100.982.644	1.110.809.000	1.145.083.000	-34.274.000
1.2	Chi phí phần nông nghiệp	Gnn			1.189.203.636	118.920.364	1.308.124.000	1.308.124.000	0,0
2	Chi phí quản lý dự án	Gqlđ	3,108 %	3,108%* Gcpdx	146.440.913		146.441.000	109.322.000	37.119.000
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	Gtv			91.515.523	9.151.552	100.667.000	77.366.000	23.301.000
-	Chi phí giám sát thi công xây dựng	Gtvgs	2,598 %	2,598% x Gxd	91.515.523	9.151.552	100.667.000	77.366.000	23.301.000
4	Chi phí khác	Gk		Gk1 : Gk10	257.174.922	25.717.494	345.967.000	342.011.000	3.956.000
4.1	Chi phí hàng mục chung	Gk1			140.901.500	14.090.152	154.992.000	148.853.000	6.139.000
4.2	Phí tài nguyên và thuế bảo vệ môi trường	Gk2	4.100	2,617(m3)			10.729.700	14.805.000	-4.075.300
4.3	Chi phí thẩm định thiết kế (Thông tư 210/2016/TT-BTC)	Gk3	0,121 %	0,121% x Gxd			4.262.000	4.093.000	169.000
4.4	Chi phí thẩm định dự toán (Thông tư 210/2016/TT-BTC)	Gk4	0,117 %	0,117%*Gcpdx			5.513.000	5.350.000	163.000
4.5	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	Gk5	0,2 %	0,2%*Giá gói thầu			9.898.000	9.523.000	375.000
4.6	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	Gk6	0,05 %	0,05%*Giá gói thầu			2.475.000	2.381.000	94.000
4.7	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	Gk7	0,05 %	0,05%*Giá gói thầu			2.475.000	2.381.000	94.000
4.8	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Gk8	0,475 %	TDT			27.721.000	27.721.000	0,00
4.9	Chi phí kiểm toán	Gk9	1,6 %	TDT	93.376.928	9.337.693	102.715.000	102.715.000	0,00
4.10	Chi phí bảo hiểm công trình	Gk10	0,65 %	Gxd	22.896.494	2.289.649	25.186.000	24.189.000	997.000
5	Chi phí dự phòng	Gdp					60.068.000	277.908.000	-217.840.000
-	Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	Gdp1					60.068.000	277.908.000	-217.840.000
	TỔNG CỘNG (1+2+...+5)						5.836.058.000	5.836.058.000	0,0